

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: **4060** /UBND-TH

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết
số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026
của Chính phủ.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày **17** tháng **3** năm 2026

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường bám sát các nội dung chỉ đạo tại Nghị quyết số 12/NQ-CP của Chính phủ, tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung sau:

1. Nhiệm vụ chung

a) Tổ chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững, từng bước cải thiện đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ và Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị; xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để các cấp, các ngành tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát

huy các nguồn lực của nền kinh tế.

c) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động, tích cực trong công tác chỉ đạo, điều hành; quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 12/NQ-CP của Chính phủ. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; tập trung huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Các cấp, các ngành, các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực công tác được giao tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết của Chính phủ.

e) Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát huy tối đa các nhóm nguồn lực của tỉnh, bao gồm nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, nguồn lực khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo, nguồn lực văn hóa - lịch sử - truyền thống - cảnh quan thiên nhiên và nguồn lực doanh nghiệp - thương hiệu sản phẩm, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tạo động lực cho phát triển nhanh, bền vững.

g) Tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 420-TB/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng đã được UBND tỉnh cụ thể hóa tại Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 29/01/2026, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đồng thời, tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các Nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị nhằm tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững của tỉnh: (1) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (2) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (3) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; (4) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân; (5) Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; (7) Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; (8) Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 về phát triển kinh tế Nhà nước; (9) Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam,...

h) Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu) và các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ...). Triển khai các dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí.

i) Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý; bảo đảm sử dụng đồng bộ, tiết kiệm và phát huy hiệu quả các nguồn lực của tỉnh, gồm nhân lực, vật lực và tài lực. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao chất lượng tham mưu, điều hành và tổ chức thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững.

2. Đối với từng nhóm nguồn lực

a) Đối với nguồn nhân lực

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách về đổi mới giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; lồng ghép các mục tiêu về nhân lực, giáo dục – đào tạo và dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của ngành, địa phương theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

- Phối hợp xây dựng và triển khai chính sách đào tạo nhân lực các ngành ưu tiên, công nghệ nền tảng, khoa học cơ bản; đẩy mạnh đào tạo mở, học tập suốt đời; nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng số cho người học.

- Xác định danh mục vị trí việc làm cần thu hút nhân lực chất lượng cao; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, trả lương gắn với năng suất và hiệu quả công việc.

- Tăng cường hướng nghiệp, phân luồng học sinh; phối hợp giữa nhà trường – gia đình – doanh nghiệp; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận đào tạo nghề phù hợp, hình thành lực lượng lao động có kỹ năng.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong kết nối việc làm, dự báo nhu cầu nhân lực, quản lý lao động và đào tạo. Đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ và phát triển thị trường lao động hiện đại.

- Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực điều hành và khả năng kiến tạo phát triển. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát chặt chẽ và xác định rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng các nguồn lực kinh tế.

b) Đối với nguồn vật lực

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ lập và hoàn thành điều chỉnh các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung cấp xã, phường và các quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chung xã có các công trình, dự án trọng điểm đi qua phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Triển khai hiệu quả định hướng không gian phát triển và các hành lang kinh tế trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đồng thời, triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; tăng cường ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Quản lý chặt chẽ đất đai, khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai – tài nguyên – môi trường của tỉnh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các dự án khai thác tài nguyên.

- Quy hoạch, xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng: giao thông, năng lượng, đô thị, thủy lợi, logistics, khu công nghiệp – khu chế xuất; bảo đảm kết nối liên vùng và phục vụ phát triển kinh tế – xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; hỗ trợ triển khai các dự án năng lượng trọng điểm trên địa bàn.

- Khẩn trương rà soát toàn diện các dự án chậm triển khai trên địa bàn tỉnh (kèm phụ lục thống kê, phân loại chi tiết từng dự án về quy mô, vị trí, thời gian chậm tiến độ, số lần gia hạn, căn cứ pháp lý về thời hạn đầu tư, đánh giá khả năng tiếp tục triển khai...), trên cơ sở đó đề xuất giải pháp xử lý cụ thể theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật; kiên quyết thu hồi các dự án đã hết thời hạn đầu tư, chậm tiến độ, không còn khả năng triển khai, tránh lãng phí nguồn lực đất đai.

- Huy động đa dạng nguồn lực cho hạ tầng (ngân sách, xã hội hóa, PPP), xử lý dứt điểm dự án chậm tiến độ; tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng chống thất thoát lãng phí trong đầu tư công.

- Phối hợp ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên – môi trường, năng lượng, hạ tầng; khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tồn đọng, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển theo đúng tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Các địa phương chịu trách nhiệm kiểm tra, xử lý dứt điểm các dự án trên địa bàn quản lý; sớm giải quyết dứt điểm tình trạng “quy hoạch treo”, đồng thời công khai, minh bạch thông tin để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

c) Đối với nguồn tài lực

- Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng ưu tiên đầu tư phát triển, đẩy mạnh phân cấp, tăng tính chủ động cho ngân sách địa phương. Tăng cường quản lý tài chính công, quản lý nợ, kiểm soát rủi ro tài khóa; bảo đảm an toàn và bền vững ngân sách.

- Huy động các nguồn vốn xã hội, FDI và các nguồn vốn hợp pháp khác phục vụ đầu tư phát triển; ưu tiên ngành, lĩnh vực trọng điểm và các dự án hạ tầng quy mô lớn của tỉnh. Phát triển thị trường tài chính lành mạnh; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn; thúc đẩy tín dụng xanh, tín dụng số, hỗ trợ khởi nghiệp.

- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công; đẩy mạnh số hóa, quản lý tài sản bằng dữ liệu số. Nâng cao năng lực dự trữ vật tư thiết yếu của tỉnh để chủ động ứng phó thiên tai, dịch bệnh và tình huống khẩn cấp.

d) Đối với nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, coi khoa học – công nghệ – đổi mới sáng tạo – chuyển đổi số là động lực tăng trưởng mới. Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, sản xuất, đời sống; thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi ngành, lĩnh vực nhằm tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phòng chống lãng phí.

- Ưu tiên đầu tư nghiên cứu – phát triển, công nghệ lõi, công nghệ nền tảng; khuyến khích mô hình hợp tác công – tư và hợp tác quốc tế về công nghệ. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Khuyến khích doanh nghiệp phát triển mô hình kinh doanh mới, sản phẩm mới dựa trên AI, blockchain, sinh học, vật liệu mới...

e) Đối với nguồn lực văn hoá, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên và vị trí địa chiến lược

- Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa – lịch sử, không gian văn hóa đặc thù; phát triển đô thị di sản, đô thị văn hóa. Khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch, cảnh quan, bản sắc văn hóa; xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với lợi thế địa phương.

- Thu hút đầu tư vào các dự án văn hóa – du lịch, trung tâm dịch vụ – sáng tạo; phát triển kinh tế di sản và các ngành công nghiệp văn hóa. Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, quảng bá, tiêu dùng văn hóa – du lịch; hình thành hệ sinh thái văn hóa số của tỉnh.

- Bảo đảm quốc phòng – an ninh trong khai thác, phát triển hạ tầng du lịch, logistics, giao thông tại vùng biên giới, ven biển, vùng sâu vùng xa.

g) Đối với nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm của địa phương

- Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, bảo hộ, quảng bá thương hiệu. Thúc đẩy liên kết doanh nghiệp lớn – doanh nghiệp nhỏ – FDI; phát triển cụm ngành, chuỗi cung ứng, tăng năng lực cạnh tranh địa phương.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao quản trị, tăng năng suất và giá trị gia tăng; khuyến khích sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới. Xúc tiến thương mại; mở rộng thị trường; bảo vệ thương hiệu địa phương ở trong và ngoài nước; hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các FTA.

- Truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển thương hiệu, coi thương hiệu là tài sản chiến lược của địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; đồng thời, thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, chỉ đạo. Giao Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UB.MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - phó VP UBND;
- Lưu: VT, TH và các phòng.



Nguyễn Văn Út